

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 249/2025/DS-PT

Ngày: 28/8/2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất, di dời nhà trả lại đất, yêu cầu
chấm dứt hành vi cản trở việc sử
dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Minh Tâm – Ông Nguyễn Hoàng Thám

- **Thư ký phiên tòa:** Lê Yên Phương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân
tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang** tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An
Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2025/TLPT-DS ngày 25
tháng 6 năm 2025 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất, di dời nhà trả lại đất,
yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 72/2025/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025
của Tòa án nhân dân huyện A (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15), tỉnh An
Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 192/2025/QĐ-PT
ngày 22 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 260/2025/QĐ-PT
ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn:

Ông **Hồ Văn C1**, sinh năm 1967, căn cước công dân 089067009915;

Ông **Hồ Văn C2**, sinh năm 1969, căn cước công dân 089069024637;

Ông **Hồ Văn C3**, sinh năm 1973, căn cước công dân 089073008119;

Ông **Hồ Văn H1**, sinh năm 1979, căn cước công dân 089079011582.

Cùng nơi cư trú: Tổ 04, ấp Vĩnh Phước, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.
(Nay là xã P, tỉnh An Giang).

Người đại diện hợp pháp của đồng nguyên đơn: Ông **Lôi Phương Hùng**, sinh năm 2000. Cư trú: Khóm 7, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (Nay là phường C, tỉnh An Giang) đại diện theo ủy quyền.

- Bị đơn: Ông **Hồ Thành U'**, sinh năm 1972, căn cước công dân 089071006984. Nơi cư trú: Tổ 16, ấp Vĩnh Phước, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (Nay là xã P, tỉnh An Giang).

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Trần Hùng Duy Khánh**, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Khóm Hà Bao 1, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang. (Nay là xã V, tỉnh An Giang).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị C4**, sinh năm 1937; ông **Hồ Văn Q (Quắm)**, sinh năm 1974; bà **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm 1974; bà **Hồ Khoa N**, sinh năm 1997; cháu **Hồ Quang H1**, sinh năm 2008 – Cùng nơi cư trú: Tổ 16, ấp Vĩnh Phước, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (Nay là xã P, tỉnh An Giang).

- Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông N: Ông **Trần Hùng Duy Khánh**, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Khóm Hà Bao 1, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang. Ông U' là người đại diện theo pháp luật cho cháu H1. (Nay là xã Vĩnh Hậu, tỉnh An Giang).

Người kháng cáo: Các đồng nguyên đơn Ông **Hồ Văn C1**, ông **Hồ Văn C2**, ông **Hồ Văn C3**, ông **Hồ Văn H1**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, và quá trình tham gia tố tụng ở Tòa án cấp sơ thẩm đại diện các nguyên đơn ông Lôi Phương Hùng trình bày:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Cụ Hồ Văn Thuận là ông nội của đồng nguyên đơn có phần đất diện tích 0,24.20ha tọa lạc tại xã V, huyện A, tỉnh An Giang theo số địa bộ 211, lô 91, tờ số 3 của chính quyền chế độ cũ cấp (theo trích lục địa bộ năm 1986). Cụ Thuận giao số đất trên cho cha đồng nguyên đơn là cụ Hồ Văn Bé (sinh năm 1934, chết năm 2022) quản lý nhưng chỉ nói miệng chứ không có giấy tờ. Trên đất có cho cụ Hồ Văn Trai (anh em chú bác với cụ Thuận, cha ông U') và ông Hồ Thành U' cất nhà ở đậu còn ở thời gian nào thì đồng nguyên đơn không biết do khi đó còn nhỏ nhưng là trước năm 1979, việc ở đậu cũng không có giấy tờ. Năm 2019, giữa ông U' với cụ Bé phát sinh tranh chấp, địa phương hòa giải nhiều lần và tại các buổi làm việc ông U' cam kết chỉ sửa chữa nhà. Khoảng giữa năm 2022 ông U' có hỏi xin ý kiến ông C1 để sửa nhà nhưng lại cất mới hoàn toàn và quy mô lớn hơn nhà cũ, lúc đó phía ông C1 không có báo với chính quyền địa phương để đình chỉ thi công. Vào ngày 23/12/2022, ông Hồ Văn Q là anh em ruột của đồng nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với ông U' và khi Ủy ban nhân dân (UBND) xã V hòa giải, ông Q tự ý cho ông U' được quyền làm giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất (GCN. QSDĐ) khoảng 2.000m². Đồng nguyên đơn sau đó có tranh chấp và được UBND xã V hòa giải nhưng không thành. Nay yêu cầu ông U di dời nhà trả lại đất diện tích khoảng 100m², sau khi xem xét thẩm định tại chỗ sẽ tính theo diện tích thực tế.

Sau khi có kết quả đo đạc, đồng nguyên đơn xác định lại yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 295,4m² gồm các điểm 29, 28, 16, 17, 19, 20, 22 theo kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh A ngày 07/02/2024 và buộc ông U cùng vợ, con di dời nhà, vật kiến trúc trả lại diện tích đất trên.

* Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi lẽ về nguồn gốc đất là của cụ Trương Thị Đ (bà cố của ông U) mua lại từ ông Huỳnh Văn Chính (ông nội ông 5 Phạn) khoảng trên 02 công đất cách nay gần 100 năm và để lại cho cụ Hồ Phú Nhuận (ông nội bị đơn) ở. Năm 1971, cụ Nhuận chết, trước đó có giao hết diện tích đất lại cho ông Hồ Văn Trai (cha bị đơn) quản lý để lo việc hương hỏa và có cất 01 căn nhà gỗ để ở cũng như đóng thuế đất hàng năm từ năm 1997-2001. Năm 2007 cụ Trai chết, diện tích đất này và nhà được ông U và anh là ông Hồ Thành Nung chia ra quản lý, sử dụng. Khoảng tháng 3/2019 thì phát sinh tranh chấp với ông Hồ Văn Bé và đã được chính quyền địa phương giải quyết cho các bên tiếp tục sử dụng theo hiện trạng. Đến tháng 12/2022 ông U xin cấp GCN. QSDĐ thì ông Hồ Văn Q ngăn cản, tranh chấp và khi UBND xã hòa giải ông Q đồng ý cho ông U được kê khai, cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đang sử dụng. Đến năm 2023, khi làm thủ tục đo đạc cấp giấy chứng nhận thì đồng nguyên đơn tranh chấp.

Về quá trình sử dụng đất: Trên phần đất tranh chấp có căn nhà của cha ông U cất năm 1975, sửa chữa nhiều lần. Tháng 4/2022 do nhà xuống cấp nên cất mới lại. Lúc cất nhà thì không ai tranh chấp. Sau khi cất nhà xong thì ông Q mới tranh chấp, lý do ông Q nói ông U chỉ xin sửa nhà trước mà lại cất luôn nhà mới phía sau. Sau khi hòa giải thì gia đình ông U ở ổn định đến nay. Nhà có kết cấu mái lợp tole, vách xây gạch, sàn lót gạch men gồm nhà tạm và nhà chính, tổng diện tích xây dựng 195,44m².

Nay yêu cầu phản tố, đề nghị công nhận phần đất diện tích 295,4 m² gồm các điểm 29, 28, 16, 17, 19, 20, 22 theo bản vẽ hiện trạng đất ngày 07/02/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai-chi nhánh A là thuộc quyền sử dụng của ông U. Buộc đồng nguyên đơn chấm dứt hành vi cản trở ông U thực hiện quyền sử dụng đối với phần đất trên. Sau đó bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố về việc buộc đồng nguyên đơn chấm dứt hành vi cản trở ông U thực hiện quyền sử dụng đối với phần đất 295,4 m².

* Theo Tờ tường trình của ông Trần Văn Nông, sinh năm 1963; Hiện cư ngụ tại tổ 21, ấp Vĩnh Phước, xã V, huyện A, tỉnh An Giang trình bày: Khi bà Hồ Thị Tháo (mẹ ông Nông) còn sống có kể lại cụ thể nguồn gốc của mảnh đất ông U đang sở hữu là cách đây trên 150 năm, cụ Trương Thị Đ có mua một

phần đất diện tích trên 02 công của ông Huỳnh Văn Chính sinh năm 1858 (ông cố nội của ông Huỳnh Thanh Chung) để ở và sinh sống làm ăn và cụ Đ đứng tên phần đất này. Cụ Đ có 02 người con trai, người anh lớn là ông Hồ Văn Kiều (ông nội của ông Hồ Văn Bé) và người em là ông Hồ Phú Nhuận (ông ngoại của ông, ông nội của ông U). Ông Hồ Phú Nhuận sống ở chung và nuôi dưỡng cụ Đ ở mảnh đất này, còn ông Hồ Văn Kiều thì có gia đình ra riêng và ở trên phần đất mà cụ Đ đã chia cho chính là phần đất mà ông Hồ Văn Bé (cha của ông C1, C2, C3, H1) đang ở hiện nay. Khi cụ Đ qua đời thì ông Nhuận tiếp tục ở trên đất làm ăn thờ cúng ông bà, đến năm 1971 thì ông Nhuận chết có giao lại nhà, đất cho ông Hồ Văn Trai (cậu 8, cha ông U) sinh năm 1924 để thờ cúng ông bà nối tiếp. Đến năm 2007 ông Trai qua đời để lại phần đất này cho Hồ Thành U và Hồ Thành Nung (con trai) quản lý, thờ cúng ông bà. Phần đất ở ngoài đường (phía ngoài sông) là đất lang bồi, ông Nhuận cho ông Hồ Văn Thắng (con thứ 7 - cha ông Hồ Văn Khiết) và bà Hồ Thị Lệ (dì 4 - mẹ ông Trần Văn Hiền) và một phần trong đường cho bà Hồ Thị Thù (dì 6 - mẹ bà Hồ Thị Xê) để ở. Đến năm 1978 chạy giặc Pôn Pốt về, ông Trai có cho ông Hồ Thắng ThU (cha ông Hồ Văn Tước) ở phía ngoài đường cho đến nay. Còn vấn đề ông Thuận đứng tên giấy đất ở phần đất mà ông U đang ở hiện nay thì bà Tháo không biết, chỉ nói là cụ Đ đứng ra mua và cụ Đ đứng tên vậy thôi.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/12/2023 và Bản vẽ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai- chi nhánh A lập ngày 05/02/2024 thể hiện phần đất tranh chấp tại các điểm 29, 28, 16, 17, 19, 20, 22 có diện tích 295,4 m² có 02 căn nhà tại các điểm 4, 16, 17, 8, 9, 10, 5 có diện tích 60,0 m² và các điểm 8, 9, 10, 6, 21, 20, 19, 18 có diện tích 188,7 m² của ông U trên nhà có các thành viên sinh sống gồm ông U, Võ Thị Ngọc Hà sinh năm 1974 (vợ), Hồ Khoa Nguyên sinh năm 1997 (con), Hồ Quang H1 sinh năm 2008 (con). Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 27/12/2023 của TAND huyện A thể hiện giá đất thổ cư 220.000 đồng/m²; đất trồng cây lâu năm 60.000 đồng/m². Trên đất có 01 căn nhà diện tích 15,2m x 9,7m xây bê tông, cốt thép, vách tầng xây, nền gạch ceramit có giá 756.048.080 đồng và 01 căn nhà diện tích 5 m x 9,7 m nền bê tông, cột gỗ, vách tầng xây mái tole có giá 123.529.500 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2025/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Phú tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các ông Hồ Văn C1, Hồ Văn C2, Hồ Văn C3, Hồ Văn H1.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Hồ Thành U về việc buộc các ông C1, C2, C3, H1 chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng đất.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Hồ Thành U.

Công nhận cho ông Hồ Thành U được quyền quản lý, sử dụng phần đất có các điểm 29, 28, 16, 17, 19, 20, 22 diện tích 295,4m² thể hiện tại Bản vẽ hiện

trạng ngày 07/02/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh A (đính kèm bản án).

Ông U có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 28/4/2025, nguyên đơn ông Hồ Văn C1, Hồ Văn C2, Hồ Văn C3, Hồ Văn H1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm xem xét, lại toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công nhận cho nguyên đơn được quyền sử dụng đất diện tích là 295,4m², buộc bị đơn phải tháo dỡ di dời nhà trả đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận như đơn khởi kiện.

Bị đơn do ông Trần Hùng Duy Khánh là đại diện ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, thống nhất bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015, đề nghị xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn ông Hồ Văn C1, Hồ Văn C2, Hồ Văn C3, Hồ Văn H1. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 72/2025/DS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện A về cách tuyên án đối với phần chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn ông Hồ Văn C1, Hồ Văn C2, Hồ Văn C3, Hồ Văn H1 kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay, một số các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không có lý

do. Căn cứ Điều 227, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thủ tục ủy quyền:

- Nguyên đơn ông Hồ Văn C1, Hồ Văn C2, Hồ Văn C3, Hồ Văn H1 ủy quyền cho ông Lôi Phương Hùng. Bị đơn ủy quyền cho ông Trần Hùng Duy Khánh. Hội đồng xét xử xem xét đối với các thủ tục ủy quyền phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn ông Hồ Văn C1, Hồ Văn C2, Hồ Văn C3, Hồ Văn H1 Hội đồng xét xử xét thấy:*

Phần đất tranh chấp do cụ Trai và ông Ư quản lý, sử dụng từ trước năm 1979 và được cả nguyên đơn và bị đơn thống nhất. Phần diện tích đất tranh chấp 295,4m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn ông Hồ Văn C1, ông Hồ Văn C2, ông Hồ Văn C3 và ông Hồ Văn H1 căn cứ vào Trích lục địa bộ ngày 03/01/1986 diện tích 0,24.20ha theo số địa bộ 211, lô 91, tờ số 3 của chính quyền chế độ cũ cấp cho ông Hồ Văn Thuận để khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 295,4m² gồm các điểm 29, 28, 16, 17, 19, 20, 22 theo kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh A ngày 07/02/2024 cho các nguyên đơn và buộc bị đơn ông Ư cùng vợ, con di dời nhà trả đất nhưng theo Công văn số 675/NCAP-KT ngày 25/3/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh A thì hiện không lưu trữ tài liệu về Trích lục địa bộ ngày 03/01/1986. Do đó không có cơ sở để kết luận phần đất tranh chấp là nằm trong diện tích đất cụ Hồ Văn Thuận quản lý theo Trích lục địa bộ ngày 03/01/1986.

Nguyên đơn trình bày cho cụ Trai và ông Ư ở đậu từ trước năm 1979 nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho bị đơn ở đậu trên đất. Trong quá trình sử dụng đất cụ Trai có đóng thuế đất hàng năm từ năm 1997-2001, bên cạnh đó ông Ư nhiều lần sửa chữa nhà nguyên đơn không tranh chấp và ngăn cản. Năm 2022, sau khi ông Ư xây dựng lại nhà thì ông Q là em ruột nguyên đơn có tranh chấp đất với ông Ư và được UBND xã V hòa giải, tại biên bản hòa giải của UBND xã V ngày 23/12/2023 ông Q thống nhất để phía gia đình ông Ư được toàn quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu của tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình sử dụng đất của bị đơn và Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

Các nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết mới hay chứng cứ bổ sung chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, do đó Hội

đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn ông Hồ Văn C1, Hồ Văn C2, Hồ Văn C3, Hồ Văn H1 như đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở.

[4] Về chi phí tố tụng: Phần nhận định của bản án sơ thẩm có nhận định “Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ chi phí dùng vào việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản. Đồng nguyên đơn đã nộp đủ nên không phải nộp thêm và không đề cập đến trong phần quyết định”. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “*Đồng nguyên đơn đã nộp đủ nên không phải nộp thêm và không đề cập đến trong phần quyết định*” là chưa thực hiện đúng theo mục 28 Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) do đó cần điều chỉnh lại cách tuyên phần quyết định của bản án đối với chi phí tố tụng cụ thể: Các nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí dùng vào việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản tổng cộng là 3.363.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí dùng vào việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản tổng cộng là 3.363.000 đồng (các nguyên đơn đã thực hiện xong).

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các nguyên đơn ông Hồ Văn C1, Hồ Văn C2, Hồ Văn C3, Hồ Văn H1 mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Văn C1, Hồ Văn C2, Hồ Văn C3, Hồ Văn H1.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 72/22025/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện A (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15), tỉnh An Giang về cách tuyên án phần chi phí tố tụng.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn C1, Hồ Văn C2, Hồ Văn C3, Hồ Văn H1.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Hồ Thành U' về việc buộc các ông C1, C2, C3, H1 chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng đất.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Hồ Thành U'.

Công nhận cho ông Hồ Thành U' được quyền quản lý, sử dụng phần đất có các điểm 29, 28, 16, 17, 19, 20, 22 diện tích 295,4m² thể hiện tại Bản vẽ hiện trạng ngày 07/02/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh A (đính kèm bản án).

Ông U' có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Về chi phí tố tụng : Các ông Hồ Văn C1, Hồ Văn C2, Hồ Văn C3, Hồ Văn H1 phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định, định giá số tiền 3.363.000đ (đã nộp xong)

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn ông Hồ Văn C1, Hồ Văn C2, Hồ Văn C3, Hồ Văn H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0008599, 0008600, 0008601, 00086002 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15).

Hoàn lại cho ông Hồ Thành U' 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010154 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15).

Án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn ông Hồ Văn C1, Hồ Văn C2, Hồ Văn C3, Hồ Văn H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí của các nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010531, 0010530, 0010529, 0010528 ngày 08/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh An Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện A (KV 15)
- VKS ND huyện A (KV 15)
- P.THA-DS (KV15);
- Phòng GĐKT, TTr, & THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đinh Thị Thu Hằng**